

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 425/2023/DS-PT

Ngày: 21-12-2023

V/v: “*Trả sản lượng cà phê theo hợp đồng giao khoán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Hoàng Kim Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023 về: “*Trả sản lượng cà phê theo hợp đồng giao khoán*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 309/2023/QĐ-PT ngày 30/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 275/2023/QĐ-PT ngày 22/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần cà phê P. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Huyền T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nhị H, sinh năm 1976 (theo giấy uỷ quyền ngày 10/02/2023). Địa chỉ: Thôn 19/8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**/ Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 30/4/2004, ngày 30/4/2005 và ngày 09/7/2014, Công ty cổ phần cà phê P - Bên giao khoán và bà Phạm Thị L - Người nhận khoán đã ký các Hợp đồng về việc giao, nhận khoán vườn cà phê chi tiết như sau: Hợp đồng số: 52AT.11/HĐCF, mã lô: B54, diện tích: 0,67 ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 30/4/2004 đến ngày 31/3/2020; Hợp đồng số: 53AT.11/HĐCF, mã lô: B53, diện tích: 1,05ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 30/4/2005 đến ngày 31/3/2020; Phụ lục hợp đồng số 97A11/PLHĐKT-2014 về việc điều chỉnh tăng diện tích giao khoán của 02 hợp đồng số 52AT.11/HĐCF và 53AT.11/HĐCF thêm 0,1137ha; Hợp đồng ngày 30/4/2004, mã lô B21, diện tích 0,66ha, Thời hạn Hợp đồng từ ngày 30/4/2004 đến ngày 31/3/2020 và Hợp đồng số: 69/AH/HĐCF, mã lô: D54, diện tích: 1,32ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 09/7/2014 đến ngày 31/3/2020. Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên đã thực hiện nghiêm túc, đúng đủ toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên.

Ngày 31/3/2020 Hợp đồng hết hiệu lực, Công ty cổ phần cà phê P thực hiện các thủ tục như mời làm việc với bà Phạm Thị L để thỏa thuận gia hạn Hợp đồng hoặc thanh lý Hợp đồng để Công ty thu hồi vườn cây. Tuy nhiên bà Phạm Thị L không đồng ý gia hạn cũng như không hợp tác để thanh lý Hợp đồng.

Các vụ mùa từ năm 2020 - 2023, bà Phạm Thị L tự ý chiếm giữ và hưởng lợi toàn bộ 100% hoa lợi trên đất đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần cà phê P. Nay Công ty cổ phần cà phê P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị L bồi thường cho Công ty cổ phần cà phê P toàn bộ thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây của Công ty cổ phần cà phê P từ ngày 31/12/2020 đến ngày khởi kiện tạm tính là 10/01/2023, tiền lãi trả chậm và các khoản công nợ. Cụ thể yêu cầu như sau: Yêu cầu bà L bồi thường toàn bộ sản lượng cà phê tương ứng với sản lượng mà các hộ nhận khoán khác phải nộp cho Công ty kể từ ngày 31/12/2020 đến nay. Cụ thể như sau:

+ **Nợ sản lượng vụ 2020-2021** là: 24.287 kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 23.884 kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là: 403 kg cà phê quả tươi tương đương giá trị bằng tiền là: 208.551.413 đồng, tiền lãi 29.602.714 đồng. Tổng nợ tạm tính là: 238.154.127 đồng.

+ **Nợ sản lượng vụ 2021-2022** là: 22.678 kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 22.487 kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là: 191 kg cà phê quả tươi tương đương giá trị bằng tiền là: 194.735.000 đồng, tiền lãi 16.782.370 đồng. Tổng nợ tạm tính là: 211.517.370 đồng.

+ **Nợ sản lượng vụ 2022-2023** là: 13.335 kg cà phê quả tươi, tương đương giá trị bằng tiền là: 114.507.065 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính là: **564.178.562 đồng**. Trong đó: Tiền gốc: 517.793.478 đồng; Tiền lãi: 46.385.084 đồng. Đơn giá cà phê quả tươi được căn cứ theo giá tại thời điểm ngày 31/12/2022. Tiền lãi trả chậm tính theo lãi

suất tiền gửi tiết kiệm dài hạn do Ngân hàng NNo và PTNT chi nhánh tỉnh Đắk Lắk công bố hàng năm, tiền lãi tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày là: 31/12/2022.

+ **Nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019:** 11.440.819 đồng. Tổng số tiền bà L còn nợ Công ty là: 575.619.381 đồng. Công ty hoàn trả tiền phân bón mùa vụ 2020-2021 cho bà L số tiền là: 25.905.988 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 22.018.500 đồng; Tiền lãi: 3.887.488 đồng. Buộc bà L phải bồi thường cho Công ty tổng số tiền là: 549.713.393 đồng.

Ngày 09/7/2023 Công ty có sửa đổi bổ sung nội dung khởi kiện cụ thể: Căn cứ vào Hợp giao giao khoán giữa hai bên, các phụ lục hợp đồng kinh tế, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, và Thông báo của Công ty cổ phần cà phê P. Công ty cổ phần cà phê P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L bồi thường toàn bộ sản lượng cà phê tương ứng với sản lượng mà các hộ nhận khoán khác phải nộp cho Công ty kể từ ngày 31/12/2020 đến nay. Cụ thể:

+ Nợ số lượng cà phê vụ 2020-2021 là: 24.287 kg cà phê quả tươi, trong đó số lượng khoán 23.884 kg cà phê quả tươi, số lượng bảo vệ là: 403 kg cà phê quả tươi.

+ Nợ số lượng cà phê vụ 2021-2022 là: 19.065 kg cà phê quả tươi Trong đó (sản lượng khoán 22.309 kg cà phê quả tươi – 3.400 kg kg cà phê quả tươi là sản lượng quy từ phân bón) = 18.909 kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là: 156 kg cà phê quả tươi.

+ Nợ số lượng cà phê vụ 2022-2023 là: 11.025kg cà phê quả tươi.

Tổng số lượng yêu cầu : 54.377 kg cà phê quả tươi.

+ **Nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019:** 8.164.982đồng.

+ Công ty hoàn trả tiền phân bón mùa vụ 2020-2021 cho bà L số tiền là: 25.905.988 đồng.

Đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày có nội dung như sau:* Hợp đồng giao nhận khoán hết thời hạn từ ngày 31/3/2020 hợp đồng hết hiệu lực, trước khi hợp đồng hết thời hạn, bà L cùng nhiều hộ dân khác đã có rất nhiều đơn kiến nghị, đề nghị gửi đến Công ty và các cấp cơ quan, ban ngành chức năng thẩm quyền. Ngày 12/8/2021, bà L cùng gần 200 hộ dân khác đã có đơn kiến nghị gửi lên công ty TNHH MTV cà phê Phước An, trong đơn đã trình bày rõ tâm tư, nguyện vọng của mình để công ty xác lập dự thảo, phương án hợp đồng mới phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Hai bên cùng trao đổi, lắng nghe ý kiến xây dựng trên tinh thần ý chí tự nguyện và dân chủ, các bên cùng có lợi. Tránh tình trạng đơn phương áp đặt từ một phía. Về các khoản đầu tư mà Công ty khởi kiện thì bà L không đồng ý.

Đối với tiền đầu tư Bơ bờ lô thì bà L không có ký nhận đầu tư, gia đình thừa nhận có nhận cây bơ nhưng khi nhận chỉ là cây bơ thực sinh, bị chết gần hết, chỉ có 14 cây nên gia đình trồng lại, gia đình bà L cũng không lấy phân đầu tư của công ty, khi đưa ra hợp thì ông Trung giám đốc có nói là huỷ bỏ cây bơ bờ lô, giá trị cây bơ đã được thanh lý theo tỷ lệ 80 -20 nên bà L không đồng ý trả khoản nợ này.

Đối với trách nhiệm và nghĩa vụ trả sản lượng cà phê các vụ mùa: bà Phạm Thị L thừa nhận là vụ mùa 2020 – 2021; vụ 2021-2022 và vụ 2022 – 2023 là do gia đình bà L tự đầu tư chăm sóc, đầu tư, bảo vệ và hưởng 100% hoa lợi nên bà L không nộp sản lượng cho Công ty là đúng.

Việc Công ty cổ phần cà phê P khởi kiện yêu cầu:

Trả sản lượng và sản lượng bảo vệ các vụ mùa từ 2020 – 2023 thì bà L cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Bởi vì, từ ngày 01/4/2020 hết hiệu lực hợp đồng, các bên không gia hạn lại nên nằm ngoài hợp đồng, các khoản chi phí bà L đều tự đầu tư chăm sóc, bảo vệ nên không có căn cứ nào để nộp sản lượng như Công ty khởi kiện. Sau khi bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực hai bên đã thanh lý vườn cây, chúng tôi đã bàn giao vườn cây cho Công ty nên Công ty khởi kiện là không đủ cơ sở chứng cứ đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Công ty. Về giá trị vườn cây Tòa án đã xác định là vườn cây chung, công ty tưới nước duy trì vườn cây, gia đình tự đầu tư, chăm sóc bảo vệ và chia tài sản 50 – 50 giá trị vườn cây nên gia đình vẫn phải chăm sóc để duy trì vườn cây. Hết năm 2020 hai bên không gia hạn, công ty không đầu tư thì gia đình bà L không đồng ý trả sản lượng cho công ty.

Công ty tự lập các biên bản về việc hái cà phê, các Nghị quyết do Công ty tự lập ra bà L không có biết nên không đồng ý. Về việc công ty tưới nước để duy trì vườn cây, công ty không yêu cầu nên bà L không có ý kiến gì. Về thuế của nhà nước thì gia đình cũng đồng ý trả tiền thuế đất nhưng công ty không yêu cầu nên bà L cũng không có ý kiến gì. Về công ty trả tiền phân thì bà L không nhận, vì nhận tiền phân bón thì bà L tự đầu tư và chăm sóc nên bà L không nhận của công ty. Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với khoản tiền được nhận tại Chi cục THADS huyện Krông Búk đề nghị Tòa án huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên, vì công ty khởi kiện không có cơ sở và không liên quan đến vụ án này. Bà Phạm Thị L không có yêu cầu phản tố

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Đ trình bày có nội dung như sau: Nhất trí với ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của bà L, không có ý kiến bổ sung hay yêu cầu gì thêm. Ông Đ không có yêu cầu độc lập.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 203, Căn cứ vào Điều 224, Điều 419, Điều 580, Điều 581 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P.

1.1. Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây cho Công ty cổ phần cà phê P số lượng vụ 2020

– 2021 là 23.884 kg cà phê quả tươi; số lượng vụ 2021 – 2022 là 18.909 kg cà phê quả tươi và số lượng vụ 2022– 2023 trả số lượng là 11.025 kg cà phê quả tươi. Tổng cộng là **53.818 kg** (*Năm mươi ba nghìn tám trăm mười tám kilô gam*) cà phê quả tươi.

Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần cà phê P tiền đầu tư cây Bơ Booth tính đến hết mùa vụ năm 2019 là 8.164.982 đồng;

Công ty cổ phần cà phê P có nghĩa vụ hoàn trả tiền phân với tổng số tiền là 25.905.988 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc bà L trả sản lượng bảo vệ là 403 kg cà phê quả tươi mùa vụ vụ 2020 – 2021 và 156 kg cà phê quả tươi mua vụ 2021 – 2022. Tổng cộng là 559 kg cà phê quả tươi.

2.3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17-02-2023 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ”

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2023 bị đơn là bà Phạm Thị L kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Hoặc bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L là có căn cứ để chấp nhận. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Phạm Thị L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L được nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là quan hệ tranh chấp về yêu cầu trả sản lượng cà phê, theo hợp đồng giao nhận khoán, mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L về yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Hoặc bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Vào năm 2004, 2005 và 2014 Công ty cổ phần cà phê P và bà Phạm Thị L đã ký kết các hợp đồng giao nhận khoán vườn cây cà phê, với tổng diện tích 3,15 ha, theo hợp đồng đến ngày 31/3/2020 thì chấm dứt các hợp đồng, bà L, ông Đ phải giao lại toàn bộ diện tích vườn cây cho Công ty cổ phần cà phê P. Hết hạn hợp đồng giao khoán hai bên không thống nhất về phương thức thanh lý hợp đồng dẫn đến tranh chấp và đã được giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 165/2022/DS-PT ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật các hợp đồng ký giữa Công ty cổ phần cà phê P và bà Phạm Thị L, quyền và nghĩa vụ đã được chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là ngày 07/9/2022.

Nay Công ty cổ phần cà phê P tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L phải trả cho Công ty cổ phần cà phê P sản lượng cà phê quả tươi từ mùa vụ 2020 đến 2023 là 53.818 kg cà phê quả tươi cụ thể mùa vụ các năm như sau: Mùa vụ (2020 – 2021) là 23.884 kg cà phê quả tươi; Mùa vụ (2021 – 2022) là 18.909 kg cà phê quả tươi và mùa vụ (2022– 2023) là 11.025 kg cà phê quả tươi, khoản tiền chi phí trả công bảo vệ quy ra sản lượng cà phê quả tươi là 559 kg và khoản tiền đầu tư cây bơ mà Công Ty bỏ ra chi phí tính đến hết mùa vụ năm 2019 là 8.164.982 đồng và phải trả khoản tiền phân bón mùa vụ (2020-2021) với số tiền là 25.905.988 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đưa ra yêu cầu để buộc bị đơn bà L phải trả sản lượng cà phê 2020 – 2021; năm 2021 – 2022 và vụ mùa 2022 - 2023, là căn cứ vào Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐ-QT ngày 08/02/2022 của nguyên đơn quy định, lấy bình quân thu 3.500 kg/1ha và các điều khoản trong các hợp đồng giao nhận khoán trước đây để buộc bị đơn bà L phải trả sản lượng cà phê quả tươi, tiền chi phí đầu tư cho nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L, nhận thấy: Theo nội dung và những điều khoản các hợp đồng giao nhận khoán vườn cà phê, giữa Công ty cổ phần cà phê P là bên giao khoán và bà Phạm Thị L là hộ nhận khoán được chấm dứt từ ngày 11/8/2020, theo điều khoản mà các bên đã thỏa thuận ký kết. Căn cứ vào các điều khoản của các hợp đồng trên, nguyên đơn Công ty Cổ phần cà phê Phước An đã ban hành thông báo số 248/TBCPPA ngày 03/8/2020 “về việc xác định giá trị vườn cây tại thời điểm thanh lý thu hồi, toàn bộ diện tích 3,15 ha đất và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn, sau đó các bên không thống nhất được về thanh lý giá trị vườn cây và khởi kiện tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, các hợp đồng giao nhận khoán giữa Công ty cổ phần cà phê P với bà Phạm Thị L đã chấm dứt bằng bản án phúc thẩm số 165/2022/DS-PT ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của phía bị đơn bà Phạm Thị L đối với nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P cũng chấm dứt từ ngày 07/9/2022. Như vậy nguyên đơn phải có trách nhiệm quản lý sản lượng cà phê từ mùa vụ (2021-2022) và mùa vụ (2022- 2023), việc nguyên đơn không thu được sản lượng cà phê quả tươi là lỗi của nguyên đơn. Mặt khác nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P, tự đặt ra những khoản thu sản lượng cà phê quả tươi từ các mùa vụ năm (2021-2022) và mùa vụ (2022- 2023), cũng như trả tiền công bảo vệ tính theo sản lượng cà phê quả tươi của 02 mùa vụ (2020 đến 2022) là 559 kg cà phê quả tươi để buộc bị đơn bà L phải giao nộp sản lượng cà phê quả tươi sau thời điểm bản án phúc thẩm số 165/2022/DS-PT ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực pháp luật. Trong khi đó Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “*mặc dù bản án đã tuyên có hiệu lực pháp luật, nhưng hộ bà L vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng không giao trả vườn cây cho Công ty cà phê Phước An, là chiếm giữ diện tích đất nhận khoán và vườn cây trên đất là trái pháp luật, để chăm sóc và hưởng lợi toàn bộ 100% giá trị vườn cây giao khoán. Đồng thời phía Công ty vẫn tiếp tục thực hiện việc tưới nước, bón phân và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước đối với diện tích đất trên*”. Để từ đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L phải trả 30.493 kg cà phê quả tươi của mùa vụ năm (2021-2022) và mùa vụ (2022- 2023) là đánh giá không đúng tình tiết, chứng cứ khách quan của vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn bà L phải trả sản lượng cà phê quả tươi của mùa vụ (2020-2021) là 23.884 kg cà phê quả tươi và phải trả cho nguyên đơn tiền đầu tư cây Bơ Booth tính đến hết mùa vụ năm 2019 là 8.164.982 đồng, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở, bởi thời điểm đó các hợp đồng giao nhận khoán giữa Công ty cổ phần cà phê P và bên giao khoán và bà Phạm Thị L là hộ nhận khoán vẫn còn hiệu lực vì trước thời điểm bản án phúc thẩm số 165/2022/DS-PT ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn bà L phải trả cho nguyên đơn tiền phân bón mùa vụ (2020-2021) với số tiền là 25.905.988 đồng, yêu cầu này của nguyên đơn không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, mặt khác nguyên đơn cũng

không kháng cáo nội dung này; Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nội dung này của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về yêu cầu, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 138 của bộ luật tố tụng dân sự thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vẫn có hiệu lực nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn bà L.

[3] Từ những phân tích nhận định từ mục [2.1]; [2.2] và [2.3] trên. Hội đồng xét xử nhận thấy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 25.905.988 đồng và 30.493kg cà phê quả tươi.

Theo giá cà phê quả tươi tháng 12/2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 14.166đ/1kg cà phê quả tươi x 30.493 kg = 431.963.838 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 431.963.800 đồng + 25.905.988 đồng = 457.869.826 đồng.

Như vậy, số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 22.314.793 đồng. (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng). Được khấu trừ trong số tiền 12.994.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P, đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số AA/2022/0000258 ngày 06/02/2023. Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P còn phải nộp tiếp 9.320.793, 04 đồng (làm tròn 9.320.793 đồng).

Bị đơn bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gach đối với số tiền 8.164.982 đồng và 23.884 kg cà phê quả tươi phải trả cho nguyên đơn. Được tính như sau: 23.884 kg x 14.166đ/1kg cà phê quả tươi = 338.340.744 đồng .

Như vậy số tiền án phí bị đơn bà Phạm Thị L phải chịu là (8.164.982 đồng + 338.340.744 đồng) x 5% = 17.325.286,3 đồng. (Làm tròn 17.325.286 đồng)

[4.1] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo bà Phạm Thị L không phải chịu phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 385, 483 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P.

1.1. Buộc bà Phạm Thị L phải trả sản lượng cà phê của mùa vụ (2020 – 2021) là 23.884 kg cà phê quả tươi và khoản tiền nợ đầu tư cây Bơ Booth tính đến hết mùa vụ năm 2019 là 8.164.982 đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cà phê P về việc buộc bị đơn bà Phạm Thị L phải trả sản lượng cà phê 30.493 kg cà phê quả tươi, mùa vụ năm (2021-2022) và mùa vụ (2022- 2023), khoản tiền công bảo vệ, quy ra sản lượng cà phê quả tươi mùa vụ (2020-2021) và 25.905.988 đồng tiền phân bón mùa vụ (2020-2021).

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P phải chịu 22.314.793 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 12.994.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P, đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số AA/2022/0000258 ngày 06/02/2023. Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê P còn phải nộp tiếp 9.320.793 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị L phải chịu 17.325.286 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0000258 ngày 06/02/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng